TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 29-4-2020
V/V "Ly hôn giữa ông H và bà M, nuôi con chung, nợ chung".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Văn Nĩnh.
Ông Đinh Ngọc Dình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, nợ chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HN ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh H. Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà Vỏ Thị Tuyết M. Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện T (Ngân hàng). Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T- chức vụ phó giám đốc Ngân hàng- chi nhánh huyện Châu T.

2/ Bà Phạm Thị L. Địa chỉ: ấp V, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-12-2019 và trong quá trình xét xử, ông Nguyễn Minh H là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Vỏ Thị Tuyết M chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lục L. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mỗi khi có bạn bè đến nhà thì bà M có lời lẽ không hay. Ngoài ra, bà M không tôn trọng đối với mẹ của ông mỗi khi vợ chồng cải vã với

nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/7/2007; Nguyễn Như Y, sinh ngày 14/4/2013. Hiện con đang sống với bà M, khi ly hôn ông yêu cầu nuôi con chung tên Minh Q, bà M nuôi con chung tên Như Y, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tại phiên tòa ông H đồng ý để bà M nuôi hai con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông và bà M có nợ chung như sau:

- Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi Nhánh huyện Châu T là 50.000.000 đồng.

- Nợ bà Phạm Thị L 100.000.000 đồng.

- Nợ Tổ chức tài chính vi mô CEP- chi nhánh A, tỉnh Long An 25.000.000 đồng.

Bà Vỏ Thị Tuyết M là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của ông H về điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng chỉ đúng một phần. Ông H có người phụ nữ khác bên ngoài. Nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/7/2007; Nguyễn Như Y, sinh ngày 14/4/2013. Hiện con đang sống với ông H và bà, khi ly hôn bà yêu cầu nuôi hai con chung, yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung một tháng là 1.490.000 đồng cho mỗi con chung.

Tại phiên tòa bà đồng ý nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông H và bà có nợ chung như sau:

- Nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi Nhánh huyện Châu T là 50.000.000 đồng.

- Nợ bà Phạm Thị L 100.000.000 đồng.

- Nợ Tổ chức tài chính vi mô CEP- chi nhánh A, tỉnh Long An: Bà đã thanh toán xong vốn vay và lãi cho Tổ chức tài chính vi mô CEP- Chi nhánh A, tỉnh Long An là 25.000.000 đồng, bà đã trả nợ xong cho Tổ chức tài chính vi mô CEP- chi nhánh A, tỉnh Long An vào ngày 09/3/2020.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/02/2020 ông Trần Minh T- chức vụ phó giám đốc Ngân hàng - Chi nhánh huyện Châu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày (Ngân hàng): Ngày 23/10/2019 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T tỉnh Long An ký hợp đồng tín dụng với bà Vỏ Thị Tuyết M, do ông Nguyễn Minh H ủy quyền cho bà M vay với số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm, mục đích vay để trồng trọt theo hợp đồng tín dụng số 6614.LAV 201902711 ngày 23/10/2019, lãi suất cho vay 11,5%/ năm, cố định trong 12 tháng đầu tiên, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, thanh toán vốn gốc và lãi theo từng năm.

Phần tài sản đảm bảo cho việc thế chấp bao gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 318, diện tích 913,3m^2 và thửa số 168, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.003,2m^2, do ông H và bà M đứng tên quyền sử dụng đất.

Tính đến ngày 26/02/2020 hợp đồng vay chưa đến hạn, Ngân hàng đồng ý cho bà M, ông H tiếp tục thực hiện thanh toán vốn và lãi theo thỏa thuận hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng. Trường hợp, ông H, bà M không thanh toán vốn vay và lãi theo thỏa thuận hợp đồng vay thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Ngân hàng xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại biên bản hòa giải ngày 26/02/2020 bà Phạm Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông H, bà M có nợ bà 100.000.000 đồng tiền vốn vay. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà M, bà không yêu cầu ông H, bà M thanh toán vốn vay trong vụ án này, bà sẽ khởi kiện ông H, bà M bằng vụ án khác khi cần thiết. Bà xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông H yêu cầu ly hôn với bà M được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành. Ngân hàng, bà L có đơn xin vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa ông H và bà M có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Ông H yêu cầu ly hôn với bà M, bà M không đồng ý ly hôn. Xét thấy tại phiên hòa giải và tại phiên tòa ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà M. Bà M cho rằng ông H sống không chung thủy với bà, bà M không đồng ý ly hôn nhưng bà M không có biện pháp nào để khắc phục tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa ông H và bà M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà M.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/7/2007; Nguyễn Như Y, sinh ngày 14/4/2013. Hiện hai con chung đang sống với bà M, bà M và ông H thống nhất để bà M nuôi hai con chung, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần ghi nhận sự tự nguyện của đương sự theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào các bên tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Ngân hàng, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào các bên tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Minh H ly hôn với bà Vỏ Thị Tuyết M.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 28/7/2007; Nguyễn Như Y, sinh ngày 14/4/2013 cho bà M nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện do bà M nuôi dưỡng), ông H không phải cấp dưỡng cho mỗi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí:

Ông H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0000199 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự.
- UBND xã An Lục Long.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí